TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI NGUYÊN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HS-PT
Ngày: 07-6- 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương

Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2018/TLPT-HS ngày 06/3/2018, đối với các bị cáo Nguyễn Đình Q, Lê Đăng T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

* Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1984; tại tỉnh TN; Nơi cư trú: Xóm BC, xã LB, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình N (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1962; Có vợ là Đoàn Thị Ng, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 67/2010/HSST ngày 30/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh TN xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc"; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Đăng T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1986; tại huyện ĐT, tỉnh TN; Nơi cư trú: Xóm CG, xã VY, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đăng T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 413/2011/HSST ngày 17/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Lê Đăng T 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tại bản án số 581/2014/HSST ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

xử phạt Lê Đăng T 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tại Quyết định xử phạt hành chính số 20/QĐ-XPHC ngày 21/10/2010 của Công an xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lê Đăng T 1.500.000đ về hành vi "Trộm cắp tài sản"; Tại Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 22/01/2011 của UBND xã VY, huyện ĐT, tỉnh TN về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã trong thời hạn 06 tháng đối với Lê Đăng T; Tại Quyết định số 1515/QĐ-UB ngày 20/6/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc đưa người vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng đối với Lê Đăng T; Tại Quyết định xử phạt hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 23/6/2014 của Công an thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lê Đăng T 500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam (Có mặt tại phiên tòa).

*Người bị hại không kháng cáo: Tòa không triệu tập

1. Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1969;

2. Ông Âu Văn S, sinh năm 1970;

Đều trú tại: Xóm TT, xã SP, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 15/9/2017, Vũ Kim T4, sinh năm 1981; Lê Đăng T, sinh năm 1986 và Nguyễn Đình Q, sinh năm 1984, gặp nhau tại thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh TN (T4, T, Q quen biết nhau từ trước). Trong lúc nói chuyện, Q khởi xướng rủ T và T4 đi trộm cắp, cả 03 đối tượng nhất trí cùng nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài, sau đó Q điều khiển xe mô tô BKS 20B1- 212.35 chở T, xe mô tô Q mượn của anh trai là Nguyễn Đình V, sinh năm 1982, trú tại xã LB, huyện ĐT, tỉnh TN, còn T4 điều khiển xe mô tô BKS 20F5-1415 cùng nhau đi về hướng huyện ĐH, tỉnh TN. Khi đi đến xóm TT, xã SP, huyện ĐH, tỉnh TN thấy một ngôi nhà cách đường khoảng 30m, nhà đóng cửa (sau xác định là nhà bà Ngô Thị T3). Q nói với T4 đứng ngoài chờ, còn Q và T đi xe mô tô vào trong sân nhà bà T3, T đứng ngoài sân, còn Q đi lên hiên nhà và gọi "Có ai ở nhà không", thì không thấy có người trả lời, biết không có người trong nhà, nên Q bảo T đứng cảnh giới, rồi quan sát thấy cửa ngách không khóa, chỉ buộc bằng sợi dây vải nên Q dùng tay giật đứt sợi vải và mở cửa vào trong nhà, thấy trong nhà có 03 túi nilon đựng chè khô (loại chè búp đã sao khô), Q bê cả 03 túi chè ra cửa và cùng T chia túi nilon và cho vào 01 bao tải dứa màu đỏ. Q điều khiển xe mô tô chở T và bao chè đi ra chỗ T4 đứng chờ, T đưa cho T4 bao tải chè để chở về huyện ĐT, tỉnh TN tìm chỗ tiêu thụ, còn Q và T đi xe mô tô theo sau. Trong lúc Q và T lấy trộm chè của bà T3 thì bị bà Trần Thị Tr, sinh năm 1960 (ở cùng xóm bà T3) phát hiện, nghi ngờ nên đã thông báo cho bà T3, bà T3 đi về nhà kiểm tra phát hiện bị mất 03 túi chè nên đã trình báo Công an xã SP, huyện ĐH và điện thoại thông báo cho con rể là anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1994, trú tại xã BT, huyện ĐH đang ở xã MT, huyện ĐT để phối hợp bắt đối

tượng. Khi T4 đi đến khu vực chợ xã MT, huyện ĐT thì bị anh Tr cùng nhân dân giữ lại đưa T4 về trụ sở Công an xã MT, huyện ĐT lập biên bản vụ việc. Tạm giữ 01 bao tải chè, bên trong có 02 túi nilon chè khô có tổng trọng lượng là 22kg; 01 xe mô tô BKS 20F5- 1415 của T4. Còn T và Q không bị phát hiện đã đi về nhà, đến ngày 25/9/2017 Q, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-ĐG ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản TTHS – UBND huyện ĐH kết luận 01 bao chè khô đựng trong túi nilon có trọng lượng 08kg và 01 bao chè khô có trọng lượng 14kg có giá trị: 3.300.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-ĐG ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản TTHS – UBND huyện ĐH kết luận: 03 túi nilon màu trắng cũ đã qua sử dụng có giá trị là: 12.000đ; 01 bao tải dứa màu đỏ có giá trị 2.000đ. Tổng giá trị tài sản T4, T, Q trộm cắp là: 3.314.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07 ngày 25/01/2018 Toà án nhân dân huyện ĐH đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình Q, Lê Đăng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Đình Q 18 tháng tù; Lê Đăng T 17 tháng tù, thời hạn tù đều tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Vũ Kim T4 14 tháng tù. Quyết định xử lý vật chứng, buộc các bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/01/2018 các bị cáo Nguyễn Đình Q, Lê Đăng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình Q xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; Bị cáo Lê Đăng T vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo T (đã tống đạt hợp lệ đối với bị cáo T). Tại phiên tòa bị cáo Q đã khai nhận hành vi phạm tội, chủ tọa công bố lời khai và các bản tường trình của bị cáo T, bị cáo Q xác nhận về lời khai của bị cáo T là đúng sự việc, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Phần kết luận tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342; Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Q, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đình Q; Đại diện Viện kiểm sát phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân bị cáo Lê Đăng T, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Đăng T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đăng T, giữ nguyên

bản án hình sự sơ thẩm số 07 ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Q, Lê Đăng T làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đình Q rút toàn bộ kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342; Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đình Q.

Ngày 07/ 5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, trích xuất bị cáo Nguyễn Đình Q và triệu tập bị cáo Lê Đăng T bị cáo vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hội ý quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời ngày 03/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tống đạt hợp lệ đối với bị cáo Lê Đăng T. Ngày 07/6/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa bị cáo Lê Đăng T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử hội ý, sau khi hội ý Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 Điều 290; điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt đối với bị cáo Lê Đăng T.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đình Q xác nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã mô tả: Nguyễn Đình Q, Lê Đăng T và Vũ Kim T4 là những đối tượng nghiện chất ma túy, sáng ngày 15/9/2017, trong khi nói chuyện Q đã rủ T và T4 đi trộm cắp, các bị cáo nhất trí và cùng nhau đi lên huyện ĐH, mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Sau khi đã thống nhất, cả ba đi từ huyện ĐT, theo hướng qua ngã ba KN đi lên huyện ĐH, đến địa phận xã SP, huyện ĐH các bị cáo rẽ theo hướng vào xóm TT, quan sát thấy có một ngôi nhà cách đường khoảng 30m (là nhà của bà Ngô Thị T3), Q bảo T4 ở ngoài cảnh giới, còn Q và T vào xem nếu không có người ở nhà sẽ trộm cắp tài sản. Thấy cửa chính của ngôi nhà khóa, cửa ngách đóng và buộc dây vải, Q gọi to nhưng không thấy có người trả lời nên đã dùng tay giật mạnh dây vải buộc cửa đứt, cánh cửa mở ra. Q vào trong nhà lấy 03 túi nilon đựng chè đã được xao khô mang ra ngoài hiên, Q và T trút chè từ một túi nilon sang một túi nilon đựng chè khác, túi nilon đã trút hết chè Q vứt lại hiên nhà bà T3, sau đó cho 02 túi nilon đựng chè vào một bao tải dứa rồi Q đèo T ôm bao chè vừa trộm cắp được ra phía T4 đứng chờ. Q, T đưa bao tải chè cho T4 để T4 chở về huyện ĐT tìm chỗ tiêu thụ, trên đường T4 chở bao chè đi tiêu thụ thì T4 bị bắt giữ. Ngày 25/9/2017 bị cáo Q và T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Định Hóa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tổng giá trị tài sản T4, T, Q trộm cắp là: 3.314.000đ.

Với hành vi trên Toà án nhân dân huyện Định Hóa đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình Q và Lê Đăng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Đăng T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo T là đối tượng nghiện, nhân thân đã bị xét xử về loại tội cùng tính chất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo T 17 tháng tù là phù hợp, có như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét lại.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342; Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình Q.

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đăng T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07 ngày 25/01/2018 của Toà án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đăng T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đăng T 17 (mười bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí . Bị cáo Lê Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDTC;VKSTỉnhTN; Sở TP;
- VKSND H. Định Hóa;
- TAND H. Định Hóa;
- CA H.Định Hóa; Trại TG;
- THADS H. Định Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Phương